DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH LAI CHÂU CÓ THỂ THỰC HIỆN QUA DỊCH VỤ BƯU CHÍNH CÔNG ÍCH

(Kèm theo Thông báo số /TB-SNNMT ngày tháng 10 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Ghi chú
1	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý	Đất đai	
2	Xóa đăng ký thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng	Đất đai	
3	Đăng ký biến động đối với trường hợp thành viên của hộ gia đình hoặc cá nhân đang sử dụng đất thành lập doanh nghiệp tư nhân và sử dụng đất vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp	Đất đai	
4	Tách thửa hoặc hợp thửa đất	Đất đai	
5	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	Đất đai	
6	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi	Đất đai	
7	Đăng ký biến động đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc thay đổi số hiệu hoặc địa chỉ của thửa đất; thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên	Đất đai	
8	Xóa ghi nợ tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ trên Giấy chứng nhận đã cấp	Đất đai	
9	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp	Đất đai	
10	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với toàn bộ diện tích đất đang sử dụng theo quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 24 Nghị định 101/2024/NĐ-CP	Đất đai	
11	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp cá nhân, hộ gia đình đã được cấp Giấy chứng nhận một phần diện tích vào loại đất ở trước ngày 01 tháng 7 năm 2004, phần diện tích còn lại của thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận	Đất đai	
12	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	Đất đai	
13	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất	Đất đai	
14	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 8 năm 2024 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định	Đất đai	

15	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng trong dự án bất động sản	Đất đai	
16	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa; chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng; bán hoặc tặng cho hoặc để thừa kế hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	Đất đai	
17	Đăng ký biến động thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức hoặc chuyển đổi mô hình tổ chức, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp; điều chỉnh quy hoạch xây dựng chi tiết; cấp Giấy chứng nhận cho từng thửa đất theo quy hoạch xây dựng chi tiết cho chủ đầu tư dự án có nhu cầu	Đất đai	
18	Đăng ký biến động đối với trường hợp thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo thỏa thuận của các thành viên hộ gia đình hoặc của vợ và chồng; quyền sử dụng đất xây dựng công trình trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành, khai thác sử dụng công trình ngầm, quyền sở hữu công trình ngầm; bán tài sản, điều chuyển, chuyển nhượng quyền sử dụng đất là tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo kết quả giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai hoặc bản án, quyết định của Tòa án, quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án đã được thi hành; quyết định hoặc phán quyết của Trọng tài thương mại Việt Nam về giải quyết tranh chấp giữa các bên phát sinh từ hoạt động thương mại liên quan đến đất đai; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã được đăng ký, bao gồm cả xử lý khoản nợ có nguồn gốc từ khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	Đất đai	
19	Đăng ký biến động chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền	Đất đai	
20	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không đúng mục đích đã được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014	Đất đai	
21	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư có sử dụng đất	Đất đai	
22	Đăng ký tài sản gắn liền với thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận hoặc đăng ký thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, gia hạn thời hạn sở hữu nhà ở của tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài theo quy định của pháp luật về nhà ở nội dung đã đăng ký	Đất đai	
23	Huỷ kết quả đăng ký biến động trên giấy chứng nhận	Đất đai	

24	Giao đất, cho thuê đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất và trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng	Đất đai	
25	Chuyển mục đích sử dụng đất; chuyển hình thức sử dụng đất; gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất; điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư	Đất đai	
26	Gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất đối với trường hợp sử dụng đất không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư theo pháp luật về đầu tư	Đất đai	
27	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất	Đất đai	
28	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với tổ chức đang sử dụng đất	Đất đai	
29	Tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư	Đất đai	
30	Tổ chức kinh tế lựa chọn nhận chuyển quyền sử dụng đất mà không đề xuất thu hồi đất quy định tại điểm c khoản 1 Điều 127 của Luật Đất đai	Đất đai	
31	Thẩm định, phê duyệt phương án sử dụng đất	Đất đai	
32	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích, gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích	Đất đai	
33	Cấp, gia hạn, cấp lại, cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II	Đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	
34	Cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ	Đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	
35	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Đăng ký biện pháp bảo đảm	
36	Đăng ký thay đổi biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Đăng ký biện pháp bảo đảm	
37	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Đăng ký biện pháp bảo đảm	
38	Đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm, đăng ký thay đổi, xóa đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Đăng ký biện pháp bảo đảm	
39	Chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở hoặc từ hợp đồng mua bán tài sản khác gắn liền với đất	Đăng ký biện pháp bảo đảm	
40	Đăng ký tài khoản trên Hệ thống đăng ký quốc gia về hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các - bon	Biến đổi khí hậu	
41	Đăng ký/điều chỉnh dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các – bon trong nước	Biến đổi khí hậu	
42	Thay đổi thành phần tham gia dự án	Biến đổi khí hậu	

43	Hủy đăng ký dự án	Biến đổi khí hậu	
44	Cấp tín chỉ các – bon theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các – bon trong nước	Biến đổi khí hậu	
45	Hủy đăng ký tín chỉ các – bon tự nguyện	Biến đổi khí hậu	
46	Chuyển quyền sở hữu hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các – bon ngoài hệ thống giao dịch các - bon	Biến đổi khí hậu	
47	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	Môi trường	
48	Cấp Giấy phép môi trường	Môi trường	
49	Cấp điều chỉnh Giấy phép môi trường	Môi trường	
50	Cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	Khí tượng thủy văn	
51	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	Khí tượng thủy văn	
52	Cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	Khí tượng thủy văn	
53	Phê duyệt nội dung trao đổi thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu với tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài không thuộc điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên đối với thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu trong địa giới hành chính của tỉnh	Khí tượng thủy văn	
54	Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường	Tổng hợp	
55	Phê duyệt việc tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh	Phòng, chống thiên tai	
56	Phê duyệt Văn kiện, điều chỉnh Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ	Phòng, chống thiên tai	
57	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m3/ngày đêm	Tài nguyên nước	
58	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m3/ngày đêm	Tài nguyên nước	
59	Cấp giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000m3/ngày đêm	Tài nguyên nước	
60	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m3/ngày đêm	Tài nguyên nước	
61	Cấp giấy phép khai thác nước mặt, nước biển (đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 2 Nghị định số 23/2026/NĐ-CP)	Tài nguyên nước	

62	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước mặt, nước biển	Tài nguyên nước	
63	Cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	Tài nguyên nước	
64	Trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	Tài nguyên nước	
65	Tạm dừng hiệu lực giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	Tài nguyên nước	
66	Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	Tài nguyên nước	
67	Gia hạn giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	Tài nguyên nước	
68	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	Tài nguyên nước	
69	Trả lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	Tài nguyên nước	
70	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành	Tài nguyên nước	
71	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	Tài nguyên nước	
72	Lấy ý kiến về phương án bổ sung nhân tạo nước dưới đất	Tài nguyên nước	
73	Lấy ý kiến về kết quả vận hành thử nghiệm bổ sung nhân tạo nước dưới đất	Tài nguyên nước	
74	Thẩm định, phê duyệt phương án cắm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước của hồ chứa thủy điện	Tài nguyên nước	
75	Lấy ý kiến về tác động của công trình khai thác nước	Tài nguyên nước	
76	Chấp thuận nội dung về phương án chuyển nước	Tài nguyên nước	
77	Đăng ký khai thác nước mặt, nước biển, đăng ký sử dụng nước mặt, đào hồ ao, ao, sông, suối, kênh, mương, rạch.	Tài nguyên nước	
78	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành hoặc đối với công trình cấp cho sinh hoạt đã đi vào vận hành vàđược cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước nhưng chưa được phê duyệt tiền cấp quyền	Tài nguyên nước	
79	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Thuỷ lợi	
80	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Thuỷ lợi	

81	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Thuỷ lợi	
82	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Thuỷ lợi	
83	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: nuôi trồng thủy sản; Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Thuỷ lợi	
84	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Thuỷ lợi	
85	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Thuỷ lợi	
86	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Thuỷ lợi	
87	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Thuỷ lợi	
88	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Thuỷ lợi	
89	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Thuỷ lợi	
90	Thẩm định quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phê duyệt	Thuỷ lợi	
91	Phê duyệt phương án, cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phê duyệt	Thuỷ lợi	
92	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh	Thuỷ lợi	
93	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh	Thuỷ lợi	
94	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh	Thuỷ lợi	

95	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh	Thuỷ lợi	
96	Phê duyệt phương án bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Thuỷ lợi	
97	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi đối với cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi trên địa bàn (trừ trường hợp cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi xuất khẩu theo yêu cầu của nước nhập khẩu)	Chăn nuôi và Thú y	
98	Cấp Giấy phép nhập khẩu thức ăn chăn nuôi chưa được công bố thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Chăn nuôi và Thú y	
99	Kiểm tra xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu	Chăn nuôi và Thú y	
100	Giảm kiểm tra chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu	Chăn nuôi và Thú y	
101	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi	Chăn nuôi và Thú y	
102	Cấp giấy phép nhập khẩu sản phẩm xử lý chất thải chănnuôi có chứa chất mới để khảo nghiệm, nghiên cứu khoa học, trưng bày tại hội chợ, triển lãm, làm mẫu phân tích tại phòng thử nghiệm hoặc sản xuất, gia công nhằm mục đích xuất khẩu.	Chăn nuôi và Thú y	
103	Công nhận kết quả khảo nghiệm sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi	Chăn nuôi và Thú y	
104	Công nhận kết quả khảo nghiệm dòng, giống vật nuôi	Chăn nuôi và Thú y	
105	Công nhận kết quả khảo nghiệm thức ăn chăn nuôi	Chăn nuôi và Thú y	
106	Thông báo phương án chăn nuôi, phương án quản lý và kiểm soát nguy cơ rủi ro trong hoạt động chăn nuôi ruồi lính đen	Chăn nuôi và Thú y	
107	Thông báo phương án chăn nuôi, phương án quản lý và kiểm soát nguy cơ rủi ro trong hoạt động chăn nuôi bò cạp trên địa bàn tỉnh	Chăn nuôi và Thú y	
108	Cấp mã số định danh cơ sở chăn nuôi	Chăn nuôi và Thú y	
109	Thu hồi mã số định danh cơ sở chăn nuôi	Chăn nuôi và Thú y	
110	Cấp lại mã số định danh cơ sở chăn nuôi	Chăn nuôi và Thú y	
111	Chấp thuận trao đổi quốc tế nguồn gen giống vật nuôi có trong danh mục giống vật nuôi cấm xuất khẩu để phục vụ nghiên cứu khoa học, triển lãm, quảng cáo	Chăn nuôi và Thú y	
112	Chấp thuận trao đổi quốc tế nguồn gen giống vật nuôi quý, hiếm của Việt Nam cho bên thứ ba	Chăn nuôi và Thú y	
113	Đề xuất hỗ trợ đầu tư dự án nâng cao hiệu quả chăn nuôi đối với các chính sách hỗ trợ đầu tư theo Luật Đầu tư công	Chăn nuôi và Thú y	

114	Quyết định hỗ trợ đầu tư dự án nâng cao hiệu quả chăn nuôi đối với các chính sách hỗ trợ đầu tư theo Luật Đầu tư công	Chăn nuôi và Thú y	
115	Quyết định hỗ trợ đối với các chính sách nâng cao hiệu quả chăn nuôi sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước	Chăn nuôi và Thú y	
116	Đề nghị thanh toán kinh phí hỗ trợ đối với các chính sách nâng cao hiệu quả chăn nuôi	Chăn nuôi và Thú y	
117	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	Chăn nuôi và Thú y	
118	Cấp Chứng chỉ hành nghề thú y	Chăn nuôi và Thú y	
119	Gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y	Chăn nuôi và Thú y	
120	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y	Chăn nuôi và Thú y	
121	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	Chăn nuôi và Thú y	
122	Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	Chăn nuôi và Thú y	
123	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	Chăn nuôi và Thú y	
124	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y	Chăn nuôi và Thú y	
125	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh	Chăn nuôi và Thú y	
126	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh	Chăn nuôi và Thú y	
127	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin)	Chăn nuôi và Thú y	
128	Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc-xin)	Chăn nuôi và Thú y	
129	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc-xin) trong trường hợp bị sai sót, thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký	Chăn nuôi và Thú y	
130	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y trong trường hợp bị sai sót, thay đổi thông tin liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký	Chăn nuôi và Thú y	
131	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y	Chăn nuôi và Thú y	
132	Gia hạn Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y	Chăn nuôi và Thú y	
133	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trừ cơ sở an toàn dịch bệnh động vật theo yêu cầu của nước nhập khẩu hoặc phục vụ xuất khẩu trong trường hợp nước nhập khẩu yêu cầu cơ quan có thẩm quyền cấp trung ương thẩm định, cấp Giấy chứng nhận)	Chăn nuôi và Thú y	

134	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật (trừ vùng an toàn dịch bệnh động vật cấp tỉnh; vùng an toàn dịch bệnh động vật theo yêu cầu của nước nhập khẩu hoặc phục vụ xuất khẩu trong trường hợp nước nhập khẩu yêu cầu cơ quan có thẩm quyền cấp trung ương thẩm định, cấp Giấy chứng nhận)	Chăn nuôi và Thú y	
135	Cấp Giấy chứng nhận thực hành tốt sản xuất thuốc thú y (GMP)	Chăn nuôi và Thú y	
136	Gia hạn Giấy chứng nhận thực hành tốt sản xuất thuốc thú y (GMP)	Chăn nuôi và Thú y	
137	Cấp lại Giấy chứng nhận thực hành tốt sản xuất thuốc thú y (trong trường hợp bị sai sót; thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức đăng ký)	Chăn nuôi và Thú y	
138	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu mang theo người, gửi qua đường bưu điện	Chăn nuôi và Thú y	
139	Cấp giấy vận chuyển mẫu bệnh phẩm thủy sản	Chăn nuôi và Thú y	
140	Đăng ký vận chuyển mẫu bệnh phẩm thủy sản	Chăn nuôi và Thú y	
141	Đăng ký, cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật trên cạn tham gia hội chợ, triển lãm, thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật; sản phẩm động vật trên cạn tham gia hội chợ, triển lãm	Chăn nuôi và Thú y	
142	Công nhận kết quả khảo nghiệm giống thủy sản	Thủy sản	
143	Công nhận kết quả khảo nghiệm thức ăn thuỷ sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thuỷ sản	Thủy sản	
144	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thuỷ sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thuỷ sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài)	Thủy sản	
145	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thuỷ sản (trừ cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản bố mẹ, cơ sở sản xuất, ương dưỡng đồng thời giống thủy sản bố mẹ và giống thủy sản không phải là giống thủy sản bố mẹ)	Thủy sản	
146	Cấp, cấp lại Giấy phép khai thác thuỷ sản	Thủy sản	
147	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thuỷ sản theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân	Thủy sản	
148	Cấp, cấp lại Giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thuỷ sản lồng bè, đối tượng thuỷ sản nuôi chủ lực (hoạt động trên nội địa thuộc phạm vi quản lý từ 02 xã, phường trở lên và cơ sở nuôi trồng thủy sản lồng bè thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	Thủy sản	
149	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá (đối với cơ sở đăng kiểm tàu cá trên địa bàn quản lý trừ cơ sở đăng kiểm tàu cá thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý)	Thủy sản	
150	Cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá Việt Nam	Thủy sản	

151	Cấp giấy phép nhập khẩu tàu cá, thuê tàu trần	Thủy sản	
152	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản	Thủy sản	
153	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản	Thủy sản	
154	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản	Thủy sản	
155	Xóa đăng ký tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản	Thủy sản	
156	Công bố mở cảng cá loại I, loại II	Thủy sản	
157	Cấp phép nhập khẩu thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản để nghiên cứu khoa học, trưng bày tại hội chợ, triển lãm	Thủy sản	
158	Cấp phép nhập khẩu giống thủy sản không có tên trong Danh mục loài thuỷ sản được phép kinh doanh tại Việt Nam để nghiên cứu khoa học, trưng bày tại hội chợ, triển lãm	Thủy sản	
159	Cấp văn bản chấp thuận khai thác loài thuỷ sản nguy cấp, quý, hiếm (để mục đích bảo tồn, nghiên cứu khoa học, nghiên cứu tạo nguồn giống ban đầu hoặc để hợp tác quốc tế)	Thủy sản	
160	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ 02 xã trở lên)	Thủy sản	
161	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ 02 xã trở lên)	Thủy sản	
162	Cấp, cấp lại Giấy xác nhận nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực (hoạt động trên nội địa thuộc phạm vi quản lý từ 02 tỉnh, thành phố trở lên và cơ sở nuôi trồng thủy sản lồng bè thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Thủy sản	
163	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác (theo yêu cầu)	Thủy sản	
164	Cấp phép sản xuất thuốc thú y và nguyên liệu làm thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất; thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản có chứa tiền chất và nguyên liệu làm thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản có chứa tiền chất	Thủy sản và lĩnh vực kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy	
165	Điều chỉnh, cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y và nguyên liệu làm thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất; thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản và nguyên liệu làm thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản có chứa tiền chất	Thủy sản và lĩnh vực kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy	
166	Nhập khẩu, xuất khẩu thuốc thú y và nguyên liệu làm thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất; thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản có chứa tiền chất và nguyên liệu làm thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản có chứa tiền chất	Thủy sản và lĩnh vực kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy	

167	Điều chỉnh, cấp lại giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu thuốc thú y và nguyên liệu làm thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất; thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản có chứa tiền chất và nguyên liệu làm thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản có chứa tiền chất	Thủy sản và lĩnh vực kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy	
168	Gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu thuốc thú y và nguyên liệu làm thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất; thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản có chứa tiền chất và nguyên liệu làm thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản có chứa tiền chất	Thủy sản và lĩnh vực kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy	
169	Cấp, cấp lại mã số rừng sản xuất là rừng trồng	Lâm nghiệp và kiểm lâm	
170	Công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp	Lâm nghiệp và kiểm lâm	
171	Cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp	Lâm nghiệp và kiểm lâm	
172	Nộp tiền trồng rừng thay thế	Lâm nghiệp và kiểm lâm	
173	Xác nhận bảng kê lâm sản	Lâm nghiệp và kiểm lâm	
174	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, cơ sở trồng loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục CITES	Lâm nghiệp và kiểm lâm	
175	Cấp sửa đổi, bổ sung thông tin mã số cơ sở nuôi, cơ sở trồng loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục CITES	Lâm nghiệp và kiểm lâm	
176	Điều chỉnh ranh giới, diện tích khu rừng đặc dụng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Lâm nghiệp và kiểm lâm	
177	Điều chỉnh phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	Lâm nghiệp và kiểm lâm	
178	Phê duyệt đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Lâm nghiệp và kiểm lâm	
179	Điều chỉnh ranh giới, diện tích khu rừng phòng hộ thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Lâm nghiệp và kiểm lâm	
180	Phê duyệt đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ, thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Lâm nghiệp và kiểm lâm	
181	Thanh lý rừng trồng thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Lâm nghiệp và kiểm lâm	
182	Giao rừng, cho thuê rừng khi đã được giao đất, cho thuê đất có rừng hoặc đã được công nhận quyền sử dụng đất có rừng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân cấp tỉnh	Lâm nghiệp và kiểm lâm	
183	Chuyển loại rừng đối với khu rừng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân	Lâm nghiệp và kiểm lâm	
184	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh	Lâm nghiệp và kiểm lâm	

185	Điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh	Lâm nghiệp và kiểm lâm	
186	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với tổ chức	Lâm nghiệp và kiểm lâm	
187	Phê duyệt phương án sử dụng rừng để xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng thuộc địa phương quản lý	Lâm nghiệp và kiểm lâm	
188	Thẩm định thiết kế, dự toán hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công đối với các dự án do Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đầu tư	Lâm nghiệp và kiểm lâm	
189	Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu	Lâm nghiệp và kiểm lâm	
190	Phân loại doanh nghiệp trồng, khai thác và cung cấp gỗ rừng trồng, chế biến, nhập khẩu, xuất khẩu gỗ	Lâm nghiệp và kiểm lâm	
191	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức	Lâm nghiệp và kiểm lâm	
192	Phê duyệt chương trình, dự án và hoạt động phi dự án được hỗ trợ tài chính của Quỹ bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh	Lâm nghiệp và kiểm lâm	
193	Phê duyệt phương án khai thác động vật rừng thông thường từ rừng tự nhiên	Lâm nghiệp và kiểm lâm	
194	Phê duyệt Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nguồn vốn trồng rừng	Lâm nghiệp và kiểm lâm	
195	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án tạm sử dụng rừng	Lâm nghiệp và kiểm lâm	
196	Thẩm định, phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng đối với chủ rừng là tổ chức thuộc địa phương quản lý	Lâm nghiệp và kiểm lâm	
197	Miễn, giảm tiền dịch vụ môi trường rừng (đối với bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng trong phạm vi địa giới hành chính của một tỉnh)	Lâm nghiệp và kiểm lâm	
198	Phê duyệt Phương án khai thác mẫu vật loài nguy cấp, quý, hiếm từ tự nhiên (phục vụ các dự án, đề tài nghiên cứu khoa học cấp quốc gia, cấp bộ, cấp tỉnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật; phục vụ công tác đối ngoại theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học	
199	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học	
200	Thả động vật nuôi sinh sản tại cơ sở nuôi, cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học về môi trường tự nhiên	Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học	
201	Cấp giấy phép trao đổi, tặng cho mẫu vật của loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ	Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học	
202	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học	
203	Cấp lại Giấy phép tiếp cận nguồn gen	Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học	

204	Cấp Giấy phép tiếp cận nguồn gen	Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học	
205	Gia hạn Giấy phép tiếp cận nguồn gen	Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học	
206	Đưa nguồn gen ra nước ngoài phục vụ học tập, nghiên cứu không vì mục đích thương mại	Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học	
207	Thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm phục vụ quản lý nhà nước	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	
208	Sửa đổi, bổ sung/cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	
209	Miễn kiểm tra giám sát cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	
210	Gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	
211	Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	
212	Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã được công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025: 2007 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025: 2005	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	
213	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	
214	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	
215	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm nhập khẩu theo phương thức kiểm tra thông thường thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	
216	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm nhập khẩu theo phương thức kiểm tra chặt thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	
217	Lựa chọn, phê duyệt dự án phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị cấp tỉnh/ cấp xã	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn	
218	Hỗ trợ dự án liên kết Cấp tỉnh	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn	
219	Công nhận làng nghề	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn	
220	Công nhận nghề truyền thống	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn	
221	Công nhận làng nghề truyền thống	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn	
222	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm có nguồn gốc thực vật xuất khẩu	Bảo vệ thực vật	
223	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật	Bảo vệ thực vật	

224	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật	Bảo vệ thực vật	
225	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	Bảo vệ thực vật	
226	Công nhận tổ chức đủ điều kiện thực hiện khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật	Bảo vệ thực vật	
227	Cấp Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật	Bảo vệ thực vật	
228	Cấp Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm phân bón	Bảo vệ thực vật	
229	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón	Bảo vệ thực vật	
230	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón	Bảo vệ thực vật	
231	Cấp Giấy phép nhập khẩu phân bón	Bảo vệ thực vật	
232	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với các lô vật thể vận chuyển từ vùng nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật	Bảo vệ thực vật	
233	Kiểm tra nhà nước về chất lượng thuốc Bảo vệ thực vật nhập khẩu	Bảo vệ thực vật	
234	Cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng	Trồng trọt	
235	Sửa đổi, đình chỉ, hủy bỏ hiệu lực của quyết định chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ	Trồng trọt	
236	Chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ theo quyết định bắt buộc	Trồng trọt	
237	Ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng	Trồng trọt	
238	Ghi nhận lại tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng	Trồng trọt	
239	Cấp Giấy chứng nhận kiểm tra nghiệp vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng	Trồng trọt	
240	Cấp phép nhập khẩu giống cây trồng chưa được cấp quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành phục vụ nghiên cứu, khảo nghiệm, quảng cáo, triển lãm, trao đổi quốc tế (bao gồm cả giống cây trồng biến đổi gen được nhập khẩu với mục đích khảo nghiệm để đăng ký cấp Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng)	Trồng trọt	
241	Cấp phép xuất khẩu giống cây trồng và hạt lai của giống cây trồng chưa được cấp quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành và không thuộc Danh mục nguồn gen giống cây trồng cấm xuất khẩu phục vụ nghiên cứu, khảo nghiệm, quảng cáo, triển lãm, trao đổi quốc tế không vì mục đích thương mại	Trồng trọt	

242	Cấp Quyết định, phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng, cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm nhân giống bằng phương pháp vô tính	Trồng trọt	
243	Công nhận các tiêu chuẩn Thực hành nông nghiệp tốt khác (GAP khác) cho áp dụng để được hưởng chính sách hỗ trợ trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	Trồng trọt	
244	Chứng nhận chủng loại gạo thơm xuất khẩu được hưởng miễn thuế nhập khẩu theo hạn ngạch	Trồng trọt	
245	Chứng nhận lại chủng loại gạo thơm xuất khẩu được hưởng miễn thuế nhập khẩu theo hạn ngạch	Trồng trọt	
246	Công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Khoa học, Công nghệ và Môi trường	
247	Công nhận tiến bộ kỹ thuật	Khoa học, Công nghệ và Môi trường	
248	Thủ tục khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải	Quản lý thuế, phí, lệ phí và thu khác của ngân sách nhà nước	